

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1230~~ /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày ~~14~~ tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể
tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án
trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định Quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 Ban hành quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024); số 17/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá số 2, Bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024); số 24/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 về việc bổ sung giá đất;;

Theo đề nghị của UBND các huyện: Sơn Tịnh, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Mộ Đức, Lý Sơn, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi; kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTĐGD ngày 02/11/2023; Thông báo số 159/TB-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh; đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6111/TTr-STNMT ngày 06/11/2023 và ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất thực hiện trong năm 2023 để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện

các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt (Chi tiết theo 13 Phụ lục đính kèm).

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện: Sơn Tịnh, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Mộ Đức, Lý Sơn, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Sơn Tịnh, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Mộ Đức, Lý Sơn, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, P.KTN, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTH Tien486.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên

Phụ lục số 01
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Trung tâm Văn hóa
(giai đoạn 2) tại xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh
(Kèm theo Quyết định số ~~1250~~ **14** /11/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện Sơn Tịnh;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTĐGD ngày 02/11/2023;
- Tờ trình số 6111/TTr-STNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00



Handwritten text in Chinese characters, appearing to be a signature or a short note, located below the red stamp.

Two small, faint handwritten marks or characters, possibly initials, located below the signature.

A vertical line of handwritten text in Chinese characters, running down the right side of the page, possibly a date or a longer note.

Phụ lục số 02
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Thủy điện Sơn Nam (đợt 2)
tại xã Sơn Nam, huyện Sơn Hà

(Kèm theo Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 14 /11/2023 của UBND tỉnh)

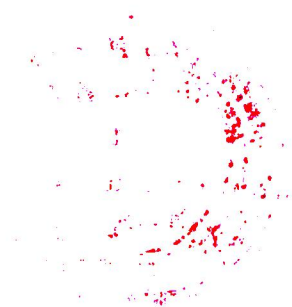
* Theo đề nghị tại:

- Các Công văn: Số 2319/UBND-TNMT ngày 11/9/2023 của UBND huyện Sơn Hà, số 2608/UBND-TNMT ngày 06/10/2023 của UBND huyện Sơn Hà;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTĐGD ngày 02/11/2023;

- Tờ trình số 6111/TTr-STNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 3	1,0



Phụ lục số 03
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Thủy điện Long Sơn
tại xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà
(Kèm theo Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 14 /11/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Công văn số Công văn số 2027/UBND-TNMT ngày 10/8/2023 của UBND huyện Sơn Hà;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTĐGD ngày 02/11/2023;

- Tờ trình số 6111/TTr-STNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 3	1,0

Phụ lục số 04

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb, đoạn qua xã Đức Chánh và xã Đức Minh, huyện Mộ Đức (đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Tờ trình số 5567/TTr-STNMT ngày 11/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTDGD ngày 02/11/2023;

- Tờ trình số 6111/TTr-STNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Xã Đức Chánh	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 2	1,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 3	1,00
II	Xã Đức Minh	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 3	1,00
1.3	Đất nông nghiệp khác thuộc vị trí 3	1,00
1.4	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 3	1,00
1.5	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 3	1,00
2	Đối với đất ở tại nông thôn:	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 4, khu vực 2	1,00



Phụ lục số 05

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Đồng Làng; hạng mục: Giải phóng mặt bằng lô B3, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ

(Kèm theo Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 14 /11/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 12/10/2023 của UBND thị xã Đức Phổ;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTĐGD ngày 02/11/2023;
- Tờ trình số 6111/TTr-STNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
II	Đối với đất ở tại đô thị:	
1	Đất ở thuộc vị trí 2, đường loại 3	1,00

Phụ lục số 06
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường điện 0,4 Kv tuyến Nước
Đóp – Long Vọt tại xã Sơn Long, huyện Sơn Tây
(Kèm theo Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Công văn số 2051/UBND ngày 13/10/2023 của UBND huyện Sơn Tây;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTĐGD ngày 02/11/2023;
- Tờ trình số 6111/TTr-STNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 2	1,00
2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 2	1,00
3	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 2	1,00

Phụ lục số 07
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường Hoàng Sa-Dốc Sỏi,
đoạn qua địa bàn xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số ~~1250~~ 1250 QĐ-UBND ngày ~~14~~ 14 /11/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Công văn số 3971/UBND-XD ngày 20/10/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTĐGD ngày 02/11/2023;

- Tờ trình số 6111/TTr-STNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00

Phụ lục số 08
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư phía Nam đường
Trần Văn Trà, tại phường Trương Quang Trọng và xã Tịnh An,
thành phố Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Công văn số 3945/UBND-XD ngày 18/10/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTĐGD ngày 02/11/2023;
- Tờ trình số 6111/TTr-STNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Phường Trương Quang Trọng	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại đô thị	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 1, đường loại 3	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 2, đường loại 3	1,00
2.3	Đất ở thuộc vị trí 3, đường loại 3	1,00
II	Xã Tịnh An	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại nông thôn:	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 6, khu vực 1	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 3	1,00



Phụ lục số 09

**Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Cảng cá và Trung tâm dịch vụ
hậu cần nghề cá Sa Kỳ, xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi**

(Kèm theo Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 14 /11/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Công văn số 3970/UBND-XD ngày 19/10/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTĐGD ngày 02/11/2023;

- Tờ trình số 6111/TTr-STNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất nuôi trồng thủy sản thuộc vị trí 1	1,00

Phụ lục số 10
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Tuyến đường từ Cây Chò đi
Trà Nham tại xã Hương Trà và xã Trà Tân, huyện Trà Bồng
(Kèm theo Quyết định số 14.30/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện Trà Bồng;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTĐGD ngày 02/11/2023;

- Tờ trình số 6111/TTr-STNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Xã Hương Trà	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 2	1,0
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 2	1,0
2	Đối với đất ở tại nông thôn:	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,0
II	Xã Trà Tân	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 3	1,0



Phụ lục số 11
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường từ trường Tiểu học tổ 3
thôn Cát cũ đến đất ông Thi, xã Trà Thanh, huyện Trà Bồng
(Kèm theo Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND tỉnh)

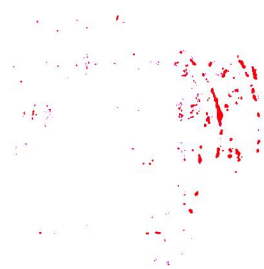
* Theo đề nghị tại:

- Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện Trà Bồng.

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTĐGD ngày 02/11/2023;

- Tờ trình số 6111/TTr-STNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 2	1,0
2	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 2	1,0
II	Đối với đất ở tại nông thôn:	
1	Đất ở thuộc vị trí 2, khu vực 3	1,0



Phụ lục số 12
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hồ chứa nước Suối Cùng
tại huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 20/10/2023 của UBND huyện Lý Sơn;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTĐGD ngày 02/11/2023;

- Tờ trình số 6111/TTr-STNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,0
2	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 1	1,0



Phụ lục số 13
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi,
đoạn qua xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh
(Kèm theo Quyết định số ~~1230~~ 1430/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị tại:

- Tờ trình số 181/TTr-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Sơn Tịnh;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 71/TB-HĐTĐGD ngày 02/11/2023;
- Tờ trình số 6111/TTr-STNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 2	1,0
2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 2	1,0
3	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 1	1,0
4	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 2	1,0